

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: SƯ PHẠM KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mã ngành: 52510102

Hình thức đào tạo: chính quy

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày....của Hiệu trưởng trường.....)

1. Thời gian đào tạo: 4.5 năm (3,5 + 1)

2. Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo qui chế ban hành theo quyết định số 43/2007/GĐĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo qui chế ban hành theo quyết định số 43/2007/GĐĐT

Điều kiện của chuyên ngành: không

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục đích đào tạo (Program Goals)

- Đào tạo người kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng thông qua chương trình đào tạo tiên tiến được xây dựng dựa trên triết lý CDIO (hình thành ý tưởng – thiết kế – triển khai – vận hành)
- Cung cấp nguồn giáo viên kỹ thuật được đào tạo theo định hướng công nghệ có khả năng tranh nghề nghiệp và thích ứng nhanh chóng với môi trường làm việc luôn thay đổi

Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

1. Có kiến thức và khả năng lập luận kỹ thuật
2. Phát triển kỹ năng và tố chất cá nhân và chuyên nghiệp
3. Phát triển kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp
4. Phát triển khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội

Chuẩn đầu ra

1. Có kiến thức và khả năng lập luận kỹ thuật

1.1 Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, toán học và khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

1.2 Có kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi trong lĩnh vực xây dựng như vẽ kỹ thuật, cơ học, trắc địa, địa cơ, vật liệu xây dựng, cấp thoát nước công trình.

1.3 Có kiến thức kỹ thuật chuyên nghiệp trong tính toán thiết kế, thi công và quản lý công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2. Phát triển kỹ năng và tố chất cá nhân và chuyên nghiệp

2.1 Xác định, xây dựng và giải quyết vấn đề thực tế trong các lĩnh vực thiết kế, thi công và quản lý công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2.2 Khả năng phân tích và thử nghiệm các vấn đề kỹ thuật.

2.3 Suy nghĩ tầm hệ thống về tầm quan trọng của kỹ sư xây dựng trong việc phát triển các giải pháp công nghệ kỹ thuật thuộc ngành xây dựng.

2.4 Kỹ năng và tư duy cá nhân tích cực: đề xuất các giải pháp sáng tạo giải quyết các vấn đề chuyên ngành; tự học và làm việc độc lập cũng như khả năng học tập suốt đời.

2.5 Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

3. Phát triển kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp

3.1 Khả năng làm việc hợp tác, tôn trọng, sáng tạo, và có trách nhiệm như một thành viên của nhóm hoặc trưởng nhóm.

3.2 Khả năng trình bày ý kiến, kiến thức của bản thân, đưa ra các đánh giá phản biện cả bằng văn bản lẫn trong giao tiếp bằng lời thích hợp với môi trường nghề nghiệp.

3.3 Khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ (tiếng Anh ở mức TOEIC 450đ).

4. Phát triển khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội

4.1 Hiểu được vai trò và trách nhiệm của người Kỹ sư xây dựng, đánh giá được sự tác động của công nghệ kỹ thuật xây dựng đối với sự phát triển xã hội và ngược lại.

4.2 Nắm bắt và tôn trọng các hình thái tổ chức doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và khả năng làm việc trong các doanh nghiệp này.

4.3 Khả năng thiết lập các yêu cầu chức năng của công trình để từ đó hình thành ý tưởng thiết kế.

4.4 Khả năng vận dụng linh hoạt các quy trình thiết kế và đưa ra giải pháp tối ưu đảm bảo mục tiêu cần đạt.

4.5 Khả năng triển khai các sản phẩm thiết kế như tham gia xây dựng, tổ chức, điều hành và quản lý các dự án xây dựng.

4.6 Khả năng kiểm định chất lượng của công trình, đưa ra quyết định nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng hoặc đề ra các giải pháp bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp công trình.

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra các học phần sư phạm

Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, toàn diện về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật công nghệ có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp.
- Mô tả quy trình thực hành theo chuẩn nghề quốc gia.
- Đánh giá được trình độ đầu vào và nhu cầu, đặc điểm ngành nghề của người học.
- Có kiến thức về việc chuẩn bị và triển khai quá trình dạy học chuyên ngành kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Kỹ năng

Kỹ năng về dạy học

- Thiết kế dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra.
- Tổ chức thực hiện hoạt động dạy học chuyên ngành kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
- Có năng lực thực hành nghề tương đương bậc 3/5 theo chuẩn Kỹ năng nghề quốc gia.

Kỹ năng về giáo dục

- Có khả năng tích hợp các hoạt động giáo dục vào trong quá trình dạy học.
- Vận dụng kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, tư duy hệ thống giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng thuyết trình) vào trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Thái độ

- Hình thành phẩm chất trính trị và nhân cách nhà giáo.
- Xác định đúng vị trí và năng lực nghề nghiệp của mình trong công việc.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 174 Tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	56	50	6
Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	12	12	0
Khoa học XH&NV	6	0	6
Anh văn	9	9	0
Toán và KHTN	23	23	0
Tin học	3	3	0
Nhập môn ngành CNKTCTXD	3 (2+1)	3 (2+1)	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	83	77	6

Cơ sở nhóm ngành và ngành	38	38	0
Chuyên ngành	27	21	6
Thực tập xưởng	16	16	0
Thực tập công nghiệp (nếu có)	2	2	0
Khối kiến thức sư phạm	28	24	4
Lý thuyết	16	12	4
Thực hành kỹ năng dạy học + Thực tập sư phạm	6	6	
Thực hành kỹ năng nghề	6	6	
Khóa luận tốt nghiệp	7	7	

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LLCT150105	Các NL cơ bản của CN Mác-Lênin	5	
2	LLCT230214	Đường lối CM của ĐCSVN	3	
3	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
5	ENGL130137	Anh văn 1	3	
6	ENGL230237	Anh văn 2	3	
7	ENGL330337	Anh văn 3	3	
8	ICET130117	Nhập môn ngành CNKTCTXD	3(2+1)	
9	VBPR131085	Lập trình Visual basic	3	
10	MATH130101	Toán cao cấp A1	3	
11	MATH130201	Toán cao cấp A2	3	
12	MATH130301	Toán cao cấp A3	3	
13	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
14	PHYS130102	Vật lý đại cương A1	3	
15	PHYS120202	Vật lý đại cương A2	2	
16	PHYS110302	Thí nghiệm vật lý	1	
17	GCHE130103	Hoá học đại cương A1	3	
18	ACMC120421	Phương pháp tính ứng dụng trong XD	2	
19	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
20	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
21	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
22	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
Tổng			50	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	DGED121023	Hình hoạ, vẽ kỹ thuật	2	
2	FUME130221	Cơ học cơ sở	3	
3	ENGE220118	Địa chất công trình	2	
4	STMA240121	Sức bền vật liệu	4	
5	SURV220119	Trắc địa	2	
6	SOME240318	Cơ học đất	4	
7	STME240517	Cơ học kết cấu	4	
8	RCST240617	Kết cấu bê tông cốt thép	4	
9	RCSP211017	Đồ án kết cấu BTCT	1	
10	COMA220717	Vật liệu xây dựng	2	
11	STST240917	Kết cấu thép	4	
12	FOEN330518	Nền và Móng	3	
13	FENP310618	Đồ án nền và móng	1	
14	WSSE221317	Cấp thoát nước	2	
Tổng			38	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ARCH230217	Kiến trúc	3	
2	RCBS320817	Kết cấu công trình BTCT	2	
3	RCBP311817	Đồ án kết cấu công trình BTCT	1	
4	COTE340319	Kỹ thuật thi công	4	
5	CMSA330419	Tổ chức thi công & An toàn lao động trong xây dựng	3	
6	TMCP310619	Đồ án kỹ thuật & tổ chức thi công	1	
7	SBST321617	Kết cấu công trình thép	2	
8	SSTP311717	Đồ án kết cấu công trình thép	1	
9	DYST321917	Động lực học công trình	2	
10	COEC321119	Kinh tế xây dựng	2	
Tổng			21	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ENDP120317	TT. Vẽ kỹ thuật trong xây dựng	2	
2	EGEP210218	TT Địa chất công trình	1	
3	SURP210219	TT Trắc địa	1	
4	SMTE210418	Thí nghiệm cơ học đất	1	
5	METE210321	Thí nghiệm cơ học	1	
6	COMP211117	TT. Vật liệu xây dựng	1	
7	ITCP421417	TT Ứng dụng tin học trong xây dựng	2	
8	STTE321517	Thí nghiệm công trình	2	
9	COTP320519	TT. Kỹ thuật nghề xây dựng	2	
10	COIP410719	TT Kiểm định công trình	1	
11	PTEP421019	TT Nghiệp vụ dự thầu	2	
12	ENGP422017	TT Tốt nghiệp	2	
Tổng			18	

7.2.3. Khoá luận tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	THES472217	Đồ án tốt nghiệp	7	

7.2.4. Kiến thức chương trình đào tạo Sư phạm kỹ thuật

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	GHI CHÚ
I.1. Khối kiến thức GD đại cương		7	
1.	GEPS 220191	Tâm lý học đại cương	2
2.	VOED 230291	Giáo dục học nghề nghiệp	3
3.	SAEM 320391	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2
I.2. Khối kiến thức GD chuyên ngành		8	
4.	VOPS 320491	Tâm lý học nghề nghiệp	2
5.	TTME 330490	Phương pháp dạy học kỹ thuật	3
6.	VTSP 430590	Thực hành Kỹ năng dạy học chuyên ngành	3
I.3. Thực tập sư phạm		3	
7.	TEPR 430690	Thực tập sư phạm	3
I.4. Thực hành Kỹ năng nghề		6	
8.	VSPR 460590	Thực hành kỹ năng nghề	6
TỔNG CỘNG		24	

B – Phần tự chọn:

Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	GEEC220105	Kinh tế học đại cương	2	
2	IQMA220205	Nhập môn quản lý chất lượng	2	
3	INMA220305	Nhập môn quản trị học	2	
4	INLO220405	Nhập môn logic học	2	
5	SYTH220505	Tư duy hệ thống	2	
6	PLSK320605	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
7	PRSK320705	Kỹ năng thuyết trình	2	
8	TDTS320805	Trình bày các văn bản và văn bản khoa học kỹ thuật	2	
9	IVNC320905	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
10	INSO321005	Nhập môn xã hội học	2	
11	ULTE121105	Phương pháp học tập đại học	2	
Tổng			6	

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	FHRB420718	Nền móng nhà cao tầng	2	

2	SOIM420818	Công trình trên nền đất yếu	2	
3	PSCD423017	Thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước	2	
4	HRBS421217	Kết cấu nhà cao tầng	2	
5	PRMA420819	Quản lý dự án	2	
6	QMSC420919	Quản lý chất lượng & Tư vấn giám sát	2	
7	CMRU421319	Bảo dưỡng sửa chữa & nâng cấp công trình	2	
Tổng (Chọn 2 môn)			6	

Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (nếu có)

8.	RMED 420490	Phương pháp NCKH giáo dục	2	Chọn 2 trong 4 môn
9.	CSED 320491	Giao tiếp ứng xử sư phạm	2	
10.	ATTE 320590	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học	2	
11.	CDVE 420590	Phát triển chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề	2	
TỔNG CỘNG			04	

8. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	MATH130101	Toán cao cấp A1	3	-
2	MATH130201	Toán cao cấp A2	3	-
3	LLCT150105	Các NL cơ bản của CN. Mác-Lênin	5	-
4	ENGL130137	Anh văn 1	3	-
5	ICET130117	Nhập môn ngành CNKTCTXD	3	-
6	VBPR131085	Lập trình Visual basic	3	-
7	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	-
Tổng			20	

Học kỳ 2:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	MATH130301	Toán cao cấp A3	3	
2	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
3	PHYS130102	Vật lý đại cương A1	3	
4	GCHE130103	Hóa đại cương A1	3	
5	ENGL230237	Anh văn 2	3	
6	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
7	DGED121023	Hình họa, vẽ kỹ thuật	2	
8	FUME130221	Cơ học cơ sở	3	
9	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
Tổng			22	

Học kỳ 3:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
----	-------	----	-------	---------------------------

1	ACMC120421	Phương pháp tính ứng dụng trong XD	2	
2	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3	PHYS120202	Vật lý đại cương A2	2	
4	PHYS110302	Thí nghiệm vật lý	1	
5	ENGL330337	Anh văn 3	3	
6	ARCH230217	Kiến trúc	3	
7	ENDP120317	<i>TT. Vẽ kỹ thuật trong xây dựng</i>	2	HT_ (DGED121023)
8	ENGE220118	Địa chất công trình	2	
9	EGEP210218	<i>TT địa chất công trình</i>	1	SH_ (ENGE220118)
10	STMA240121	Sức bền vật liệu	4	TQ_ (FUME230121)
11	PHED130715	Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn)	3	
Tổng			22	

Học kỳ 4:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	LLCT230214	Đường lối CM. Đảng CS. Việt Nam	3	
2	SURV220119	Trắc địa	2	
3	SOME230318	Cơ học đất	4	HT_ (ENGE220118)
4	SMTE210418	<i>Thí nghiệm cơ học đất</i>	1	SH_ (SOME230318)
5	STME240517	Cơ học kết cấu	4	TQ_ (BAME130221) HT_ (STMA240121)
6	METE210321	<i>Thí nghiệm cơ học</i>	1	HT_ (STMA240121)
7	RCST240617	Kết cấu bê tông cốt thép	4	TQ_ (STMA240121)
8	COMA220717	Vật liệu xây dựng	2	HT_ (STMA240121)
Tổng			21	

Học kỳ 5:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	SURP210219	<i>TT Trắc địa</i>	1	HT_ (SURV220119)
2	RCBS320817	Kết cấu công trình BTCT	2	HT_ (RCST240617) HT_ (STME240517)
3	COTE340319	Kỹ thuật thi công	4	HT_ (STMA240121)
4	STST240917	Kết cấu thép	4	TQ_ (STMA240121)
5	FOEN330518	Nền và Móng	3	HT_ (SOME230318)
6	FENP310618	Đồ án nền và móng	1	HT_ (SOME230318) SH_ (FOEN330518)
7	RCSP211017	Đồ án kết cấu BTCT	1	HT_ (RCST240617)
8	WSSE221317	Cấp thoát nước	2	
9	COMP211117	<i>TT. Vật liệu xây dựng</i>	1	HT_ (COMA220717)
Tổng			19	

Học kỳ 6:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	DYST321917	Động lực học công trình	2	TQ_ (STME240517)
2	ITCP421417	<i>TT ứng dụng tin học trong xây dựng</i>	2	TQ_ (STME240517) HT_ (RCST240617) HT_ (STST240917)

3	STTE321517	Thí nghiệm công trình	2	HT_(RCST240617) HT_(STST240917)
4	CMSA330419	Tổ chức thi công & An toàn lao động trong xây dựng	3	HT_(COTE340319)
5	SBST321617	Kết cấu công trình thép	2	TQ_(STME240517) HT_(STST240917)
6	SSTP311717	Đồ án kết cấu công trình thép	1	TQ_(STST240917) SH_(SBST321617)
7	COTP320519	TT. Kỹ thuật nghề xây dựng	2	HT_(COTE340319)
8	RCBP311817	Đồ án kết cấu công trình BTCT	1	TQ_(RCST240617) HT_(RCBS320817) SH_(ITCP421417)
9	x	KHXHNV 1 (SV tự chọn khi ĐKMH)	2	
10	x	KHXHNV 2 (SV tự chọn khi ĐKMH)	2	
Tổng			19	

Học kỳ 7:

TT	Mã HP	MH	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		KHXHNV 3 (SV tự chọn khi ĐKMH)	2	
2	TMCP310619	Đồ án kỹ thuật & tổ chức thi công	1	TQ_(COTE340319) HT_(CMSA330419)
3	COIP410717	TT Kiểm định công trình	1	HT_(COMA220717)
4	COEC321119	Kinh tế xây dựng	2	
5	PTEP421019	TT Nghiệp vụ dự toán và đấu thầu	2	HT_(COEC321119)
6	ENGP422017	TT Tốt nghiệp	2	
Chọn 3 môn:			6	
7	FHRB420718	Nền móng nhà cao tầng	2	TQ_(FOEN330518)
8	SOIM420818	Công trình trên nền đất yếu	2	TQ_(SOME230318)
9	PSCD423018	Thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước	2	HT_(RCST240617)
10	HRBS421217	Kết cấu nhà cao tầng	2	TQ_(RCBS320817) HT_(DYST321917) HT_(SBST321617)
11	PRMA420819	Quản lý dự án	2	
12	QMSC420919	Quản lý chất lượng & Tư vấn giám sát	2	TQ_(COTE340319)
13	CMRU421319	Bảo dưỡng sửa chữa & nâng cấp công trình	2	HT_(COTE340319)
Tổng			16	

Học kỳ 8: (Viện Sư phạm Kỹ thuật bố trí)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1.	GEPS 220191	Tâm lý học đại cương	2	
2.	VOED 230291	Giáo dục học nghề nghiệp	3	

3.	SAEM 320391	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	
4.	VOPS 320491	Tâm lý học nghề nghiệp	2	
5.	TTME 330490	Phương pháp dạy học kỹ thuật	3	
6.	VTSP 430590	Thực hành kỹ năng dạy học chuyên ngành	3	
7.	RMED 420490	Phương pháp NCKH giáo dục	2	Chọn 1 trong 2
	ATTE 320590	Ứng dụng CNTT trong dạy học	2	
8.	CSED 320491	Giao tiếp ứng xử sư phạm	2	Chọn 1 trong 2
	CDVE 420590	Phát triển CTĐT và tổ chức đào tạo nghề	2	
Tổng cộng:			19	

Học kỳ 9: (Viện Sư phạm Kỹ thuật bố trí)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
9.	VSPR 460590	Thực hành kỹ năng nghề	6	
10.	TEPR 430690	Thực tập sư phạm	3	
11.	GRTH472030	Khoá luận tốt nghiệp	7	Mã mới (7TC)
Tổng cộng:			16	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các NL cơ bản của CN Mác-Lênin

5TC

Phân bố thời gian học tập: 5(5/0/10)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Đường lối CM của ĐCSVN

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Tư Tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Pháp luật đại cương

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Các vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật: bao gồm các vấn đề về bản chất, nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật Việt Nam; quan hệ pháp luật và quy phạm pháp luật.

Một số nội dung cơ bản của một số ngành luật chính: bao gồm các chế định luật liên quan đến đời sống thực tế của công dân của các ngành luật: hình sự, dân sự, hành chính và hôn nhân gia đình.

9.5. Anh văn 1

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết;

Tăng cường kiến thức ngữ pháp căn bản và từ vựng cần thiết (Soars, Liz & John, *New Headway, Elementary, student's book and workbook*, Oxford University Press, 2000)

9.6. Anh văn 2

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết;

Tăng cường kiến thức ngữ pháp căn bản và từ vựng cần thiết (Soars, Liz & John, *New Headway, Pre-Intermediate, student's book and workbook*, Oxford University Press, 2000)

9.7. Anh văn 3

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết;

Tăng cường kiến thức ngữ pháp căn bản và từ vựng cần thiết (Soars, Liz & John, *New Headway, Pre-Intermediate, student's book and workbook*, Oxford University Press, 2000)

9.8. Lập trình Visual Basic

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/4)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức mở đầu, cơ bản về lập trình để giải một số bài toán thông thường.

9.9. Toán cao cấp A1

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu các kiến thức về phép tính vi phân, tích phân hàm một biến và chuỗi. Trong phép tính vi, tích phân hàm một biến bao gồm giới hạn của dãy số và hàm số, đạo hàm và vi phân của hàm số, tích phân bất định, xác định và suy rộng. Phần chuỗi gồm chuỗi số và chuỗi hàm.

9.10. Toán cao cấp A2

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu các kiến thức về đại số tuyến tính. Nội dung gao gồm: Định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, chéo hoá ma trận, dạng toàn phương.

9.11. Toán cao cấp A3

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu phép tính vi phân hàm nhiều biến, phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2, tích phân kép và tích phân bội ba.

9.12. Xác suất thống kê ứng dụng

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu các kiến thức về xác suất và thống kê toán gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan.

9.13. Vật lý đại cương A1

3TC

Phân bố thời gian học tập:

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đề cập đến các qui luật chuyển động của các vật thể, các định luật bảo toàn trong chuyển động, sự tương tác của vật chất:

* Cơ học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ học cổ điển (cơ học Newton) và cơ sở của cơ học tương đối. Nội dung chính bao gồm: các định luật Newton, định luật hấp dẫn, các định luật bảo toàn trong chuyển động của chất điểm, hệ chất điểm và vật rắn, thuyết tương đối hẹp của Einstein và sơ lược về động lực học tương đối.

* Nhiệt học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chuyển động nhiệt phân tử và các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học.

9.14. Vật lý đại cương A2

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến các tương tác tĩnh điện, các tương tác tĩnh từ và mối liên hệ giữa điện trường và từ trường biến thiên.

9.15. Thí nghiệm vật lý

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đề cập đến lý thuyết về sai số phép đo và các bài thí nghiệm về cơ, nhiệt, điện và quang.

9.16. Hóa học đại cương A1

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức về cấu tạo lớp vỏ điện tử của nguyên tử, mối quan hệ giữa lớp vỏ điện tử và tính chất nguyên tử.

Giải thích cấu hình hình học của phân tử, sự có cực của phân tử, sự liên kết giữa các phân tử tạo vật chất.

Nghiên cứu sơ lược về tính chất lý, hoá của các chất vô cơ và cấu tạo của chúng.

9.17. Nhập môn ngành công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu về ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, mục tiêu học tập, các chuẩn cần đạt và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Bước đầu trau dồi các kiến thức tổng quát về các kỹ năng cần có cũng như thái độ về nghề nghiệp sau này.

9.18. Phương pháp tính ứng dụng trong XD

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước:

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp kiến thức các phương pháp tính toán áp dụng cho các bài toán kỹ thuật (xây dựng).

9.19. Thực tập vẽ kỹ thuật trong xây dựng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Môn học trước: Hình họa vẽ kỹ thuật

Khác: máy vi tính có cài phần mềm CAD.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về việc đọc các bản vẽ kiến trúc và kỹ thuật trong xây dựng, trang bị cho người học khả năng thể hiện các bản vẽ kiến trúc và kỹ thuật bằng phần mềm đồ họa (CAD). Ngoài ra môn học giới thiệu về các thuật ngữ cơ bản trong ngành xây dựng (tên các cấu kiện, các bộ phận công trình, tên gọi các loại bản vẽ kỹ thuật trong xây dựng...), giới thiệu cấu tạo và cách thể hiện bản vẽ của một số cấu kiện cơ bản trong lĩnh vực xây dựng (Kết cấu bê tông cốt thép: Móng, cột, dầm, sàn, cầu thang, bể nước...; Kết cấu thép: cột, vì kèo, hệ giằng, các chi tiết liên kết).

9.20. Cơ học cơ sở

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Toán cao cấp A1, A2, A3

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cơ học cơ sở là môn học nằm trong ngành cơ học vật rắn biến dạng. Môn học cung cấp kiến thức cơ sở cho các môn kỹ thuật cơ sở (sức bền vật liệu, nguyên lý máy, cơ kết cấu...), cũng như các môn học chuyên ngành khác.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát để nghiên cứu tĩnh học, động học và động lực học của các hệ cơ học vật rắn tuyệt đối.

+ Phần tĩnh học nghiên cứu trạng thái cân bằng của vật rắn tuyệt đối dưới tác dụng của các lực. Hai vấn đề chính được nghiên cứu trong tĩnh học là thu gọn hệ lực và thiết lập phương trình cân bằng của hệ lực.

+ Động học nghiên cứu chuyển động về mặt hình học và các đặc trưng của chuyển động (phương trình chuyển động, vận tốc, gia tốc) của chất điểm và vật rắn.

+ Động lực học nghiên cứu các quy luật chuyển động cơ học của các vật thể dưới tác dụng của lực. Động lực học thiết lập mối quan hệ có tính chất quy luật giữa các đại lượng đặc trưng cho tác dụng của vật thể và các đại lượng đặc trưng cho chuyển động của vật thể.

9.21. Thí nghiệm cơ học

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học trước: Cơ học cơ sở, Sức Bền Vật Liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung môn học bao gồm các bài thí nghiệm. Tìm ứng xử của mẫu thép và gang bằng các thí nghiệm kéo và nén. Áp dụng các kiến thức của Sức bền vật liệu và Cơ học cơ sở để thí nghiệm trên các mô hình tương ứng.

- Xác định cơ tính của vật liệu (kim loại) dưới tác dụng của tải trọng tĩnh.
- Sử dụng máy kéo nén để xác định cơ tính của thép.
- Xác định môđun đàn hồi E, môđun đàn hồi trượt G của vật liệu.

9.22. Kiến trúc

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Hình họa vẽ kỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức cơ bản gồm 3 phần:

Phần căn bản: Trình bày các khái niệm, phương châm thiết kế, phân loại trong thiết kế xây dựng công trình, các yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế công trình.

Phần thiết kế kiến trúc: Trình bày các trình tự xây dựng công trình, nội dung và các tiêu chuẩn và yêu cầu thành lập bản vẽ thiết kế. Trình bày các nguyên tắc, cơ sở lý luận để thiết kế kiến trúc công trình.

Phần thiết kế cấu tạo: Trình bày các vấn đề cơ bản của cấu tạo kiến trúc và phân tích thiết kế chi tiết các bộ phận của công trình: từ phần thấp nhất đến phần cao nhất của công trình.

9.23. Đồ án kiến trúc

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Môn học trước: Hình họa vẽ kỹ thuật.

Môn học tiên quyết: Kiến trúc

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần ứng dụng của môn học Kiến Trúc, nhằm cung cấp cho sinh viên làm quen với những kiến thức thực tế về việc thiết kế và cấu tạo công trình kiến trúc. Môn học tổng hợp lại các kiến thức liên quan đến thiết kế và cấu tạo công trình để thực hiện một công trình cụ thể. Ngoài ra, hướng cho SV hình thành kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án thiết kế hợp lý cũng rất quan trọng.

9.24. Địa chất công trình

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Địa Chất Khoáng Thạch, Địa Chất Kiến Trúc, Địa Chất Lịch Sử, nước dưới đất và các quy luật vận động của nước trong đất. Cung cấp cho người học những kiến thức về các hoạt động địa chất động lực học công trình, giúp người học phân tích được những ảnh hưởng của hoạt động địa chất đến việc xây dựng công trình.

9.25. Thực tập địa chất công trình

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: Địa chất công trình

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cần thiết để có thể nhận biết được những loại đất đá thông thường. Lập được các phương án khoan khảo sát địa chất cho các công trình cụ thể. Cung cấp cho người học những kiến thức về các phương pháp thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm ngoài hiện trường trong Địa Kỹ Thuật.

9.26. Sức bền vật liệu

4TC

Phân bố thời gian học tập: 4(4/0/8)

Môn học trước: Toán cao cấp A1, A2, A3; Cơ học cơ sở

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sức bền vật liệu là một trong những nhánh chính của cơ học kỹ thuật. Môn học liên quan đến các phương pháp giải tích xác định cường độ, độ cứng (các đặc tính biến dạng), và ổn định của các phần tử khác nhau trong hệ kết cấu. Ứng xử của phần tử của hệ không những phụ thuộc vào các định luật cơ bản thiết lập nên phương trình cân bằng lực, mà còn phụ thuộc vào các đặc tính cơ học của vật liệu. Các đặc tính cơ học này được xác định từ phòng thí nghiệm. Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của cơ học trong kết cấu. Các bài tập thiết kế được sử dụng sẽ khuyến khích học viên chủ động sáng tạo và duy trì hệ thống. Chủ đề bao gồm: cân bằng tĩnh, hợp lực, liên kết và phản lực liên kết, phân tích kết cấu phẳng (dầm, thanh, khung), ứng suất và biến dạng trong các phần tử kết cấu, trạng thái ứng suất (trượt, uốn, xoắn), hệ siêu tĩnh, chuyển vị và biến dạng.

9.27. Trắc địa

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Khác: máy tính bấm tay

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những khái niệm về các mặt tham chiếu Geoid, Ellipsoid trái đất; cách biểu thị mặt đất bằng bản đồ; khái niệm về sai số trong đo đạc; các kiến thức cơ bản về dụng cụ và các phép đo trong trắc địa (đo góc, đo dài, đo cao); các lưới khống chế tọa độ và cao độ; phương pháp đo vẽ chi tiết bản đồ và mặt cắt; cách thức sử dụng bản đồ trong thiết kế; công tác trắc địa trong bố trí công trình.

9.28. Thực tập trắc địa

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học trước: Trắc địa

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học ở môn Trắc địa đại cương, thực hành các thao tác đo đạc và bố trí cơ bản bằng máy kinh vĩ và máy thủy bình. Gồm: Làm quen với máy kinh vĩ quang học; Đo góc bằng theo phương pháp cung và toàn vòng; Đo góc đứng bằng máy kinh vĩ; Đo dài trực tiếp bằng thước dây và đo dài gián tiếp bằng máy kinh vĩ và mia; Đo cao lượng giác; Hướng dẫn sử dụng máy thủy bình; Đo chênh cao từ giữa bằng máy thủy bình (đo cao kỹ thuật); Lập lưới đường chuyền tọa độ và độ cao.

9.29. Cơ học đất

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Địa chất công trình

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về cơ học đất. Cung cấp cho người học các nguyên lý và các kiến thức về bản chất của đất, các giả thuyết lý thuyết và thực nghiệm, các quá trình cơ học xảy ra trong đất khi chịu tác động bên ngoài và bên trong. Đưa người học tiếp cận với các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư Xây dựng. Đây là học phần cơ sở chuyên ngành trong khối kiến thức chuyên ngành công nghệ và kỹ thuật xây dựng, giúp người học vận dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc sử dụng các tính chất cơ lý của đất trong tính toán thiết kế.

9.30. Thí nghiệm cơ học đất

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học trước: Địa Chất Công Trình, Thực Tập Địa Chất Công Trình

Môn học song hành: Cơ Học Đất

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về các phương pháp thí nghiệm trong phòng nhằm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất. Trang bị cho người học về phương pháp thu thập và xử lý số liệu thí nghiệm để lập báo cáo khảo sát địa chất phục vụ cho công tác tính toán - thiết kế nền móng công trình.

9.31. Cơ học kết cấu

4TC

Phân bố thời gian học tập: 4(4/0/8)

Môn học trước: Toán cao cấp A3

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần cơ bản thuộc nhóm môn học kỹ thuật cơ sở nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng tính toán nội lực, chuyển vị trong kết cấu xây dựng. Trang bị khả năng tính toán các hệ tĩnh định và siêu tĩnh là cơ sở để thiết kế các kết cấu bằng các vật liệu khác nhau. Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức cơ sở của phương pháp Phần tử hữu hạn, giúp tăng cường khả năng sử dụng, phân tích và xử lý kết quả trong ứng dụng các phần mềm tính toán kết cấu (Etabs, Sap2000, Safe...).

9.32. Kết cấu bê tông cốt thép

4TC

Phân bố thời gian học tập: 4(4/0/8)

Môn học trước: không

Môn học song hành: Cơ học kết cấu

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần cơ bản thuộc nhóm môn học về kết cấu bê tông cốt thép nhằm cung cấp kiến thức về vật liệu bê tông cốt thép, tính toán và thiết kế các cấu kiện cơ bản (cấu kiện chịu uốn, cấu kiện chịu nén, ...) trong kết cấu xây dựng. Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức cơ bản về bê tông ứng lực trước. Môn học giúp sinh viên tăng cường khả năng phân tích và tự tin trong công tác thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép và bê tông ứng lực trước.

9.33. Đồ án kết cấu bê tông cốt thép

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Môn học trước: Kết cấu bê tông cốt thép

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần ứng dụng của nhóm môn học kết cấu bê tông cốt thép, nhằm cung cấp cho sinh viên làm quen với những kiến thức thực tế về việc thiết kế các cấu kiện bê tông cốt thép. Môn học tổng hợp lại các kiến thức chuyên ngành liên quan đến môn học

kết cấu BTCT. Ngoài ra, kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án thiết kế hợp lý cũng là mục đích quan trọng của học phần.

9.34. Vật liệu xây dựng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Sức bền vật liệu

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học vật liệu xây dựng là môn kỹ thuật cơ sở nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc trưng cơ lý, các phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng phổ biến dùng trong xây dựng.

9.35. Thực tập vật liệu xây dựng

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học trước: Sức bền vật liệu, Vật liệu xây dựng

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm trang bị các kiến thức rộng để làm các thí nghiệm về tính chất cơ lý của một số vật liệu xây dựng cơ bản như: gạch đất sét nung, cát đá, xi măng, bê tông.

9.36. Động lực học công trình

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Cơ học cơ sở, Cơ kết cấu

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Động lực học công trình là học phần thuộc nhóm môn học kỹ thuật cơ sở nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ứng xử tuyến tính của công trình khi chịu tác động của tải trọng thay đổi theo thời gian. Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng thiết lập phương trình dao động, tính toán các đặc trưng cơ bản của dao động và xác định chuyển vị và nội lực trong công trình do tác động của các loại tải trọng động khác nhau.

9.37. Kết cấu công trình bê tông cốt thép

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Cơ học kết cấu, Kết cấu BTCT

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần mở rộng và nâng cao của nhóm môn học kết cấu bê tông cốt thép, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật công trình. Môn học cung cấp những kiến thức về việc mô hình và tính toán các bộ phận kết cấu công trình. Ngoài ra, kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án kết cấu thích hợp cũng là mục đích quan trọng của môn học.

9.38. Đồ án kết cấu công trình bê tông cốt thép

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Môn học trước: Kết cấu công trình BTCT

Môn học tiên quyết: Kết cấu bê tông cốt thép

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần ứng dụng của nhóm môn học kết cấu bê tông cốt thép, nhằm cung cấp cho sinh viên làm quen với những kiến thức thực tế về việc thiết kế công trình. Môn học tổng hợp lại các kiến thức chuyên ngành liên quan đến môn học kết cấu công trình

BTCT. Ngoài ra, kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án thiết kế hợp lý cũng là mục đích quan trọng của học phần.

9.39. Kỹ thuật thi công

4TC

Phân bố thời gian học tập: 4(4/0/8)

Môn học trước: Sức bền vật liệu, Cơ học kết cấu, Kết cấu BTCT, Kết cấu thép

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ thuật thi công các hạng mục của công trình: phần ngầm, phần thân, hoàn thiện và kỹ thuật thi công lắp ghép. Học phần cũng giới thiệu cho sinh viên các loại máy móc và thiết bị phục vụ cho các công tác thi công và nguyên lý hoạt động của chúng.

9.40. Kết cấu thép

4TC

Phân bố thời gian học tập: 4(4/0/8)

Môn học trước: Cơ học kết cấu

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần cơ bản thuộc nhóm môn học về kết cấu thép nhằm cung cấp kiến thức về vật liệu thép trong kết cấu xây dựng, tính toán liên kết đơn giản (hàn, bulông, đinh tán) và thiết kế các cấu kiện cơ bản (dầm, cột, dàn) bằng thép hình hay thép tổ hợp. Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức cơ bản kết cấu liên hợp thép – bê tông cốt thép trong xây dựng. Môn học giúp tăng cường khả năng phân tích và tự tin trong công tác thiết kế cấu kiện thép và cấu kiện liên hợp.

9.41. Nền và móng

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Địa chất công trình, Kết cấu bê tông cốt thép

Môn học tiên quyết: Cơ học đất

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về nền móng. Cung cấp cho người học các nguyên lý và các phương pháp tính toán nền móng trong công trình dân dụng và công nghiệp. Đưa người học tiếp cận với các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư Xây dựng. Đây là học phần chuyên ngành nền tảng trong khối kiến thức chuyên ngành công nghệ và kỹ thuật xây dựng, giúp người học phân tích và lựa chọn được phương án móng hợp lý.

9.42. Đồ án nền và móng

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Môn học trước: Địa chất công trình, Cơ học đất, Kết cấu bê tông cốt thép

Môn học song hành: Nền móng

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về nền móng. Giúp người học hệ thống thức các môn học địa chất công trình, cơ học đất, nền móng và áp dụng vào tính toán thiết kế nền móng cho công trình thực tế. Đưa người học tiếp cận với các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư Xây dựng. Đây là học phần chuyên ngành nền tảng trong khối kiến thức chuyên ngành công nghệ và kỹ thuật xây dựng, giúp người học tính toán được các phương án móng khác nhau.

9.43. Kết cấu nhà cao tầng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Kết cấu công trình BTCT

Môn học tiên quyết: Cơ học kết cấu

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần mở rộng và nâng cao của nhóm môn học kết cấu bê tông cốt thép, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật công trình cao tầng BTCT. Môn học cung cấp những kiến thức về tính toán kết cấu công trình cao tầng chịu tác dụng của các tải trọng đặc biệt. Ngoài ra, kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án kết cấu thích hợp cũng là mục đích quan trọng của môn học.

9.44. Cấp thoát nước

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần cơ bản của lĩnh vực Cấp Thoát Nước, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ học chất lỏng như lưu lượng, áp suất, vận tốc dòng chảy. Bên cạnh đó là các nguyên tắc, phương pháp giải quyết, xác định vị trí, quy mô và mối quan hệ giữa các bộ phận của hệ thống cấp thoát nước trong công trình xây dựng cũng như mối liên hệ giữa hệ thống cấp thoát nước bên trong và hệ thống cấp thoát nước bên ngoài (đô thị). Môn học giúp sinh viên có khả năng thiết kế về mặt cơ bản hệ thống cấp thoát nước bên ngoài cũng như bên trong công trình xây dựng.

9.45. Thực tập ứng dụng tin học trong xây dựng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Môn học trước: Cơ học kết cấu, Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này hệ thống lại cho người học những kiến thức cơ bản của chuyên ngành: sức bền vật liệu, cơ kết cấu, kết cấu BTCT, kết cấu thép...; đồng thời trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản khi sử dụng các phần mềm tính toán chuyên ngành (ETABS, SAFE) để mô hình và xử lý các kết quả tính toán các hệ kết cấu từ đơn giản đến phức tạp.

9.46. Thí nghiệm công trình

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp khảo sát, nghiên cứu và các thiết bị sử dụng trong thí nghiệm công trình, cách thức đánh giá kiểm tra chất lượng công trình về vật liệu, khả năng chịu lực và tuổi thọ công trình; cách thức trình tự thực hiện thí nghiệm dàn thép, dầm bê tông cốt thép để kiểm chứng lý thuyết.

9.47. Tổ chức thi công và an toàn lao động trong xây dựng

3TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Kỹ thuật thi công

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sau khi đã được học những biện pháp KTTC, sinh viên sẽ được hướng dẫn nghiên cứu về TCTC công trình XD, lập tiến độ (ngang, dây chuyền, sơ đồ mạng). Thiết kế tổng bình đồ công trình, tổ chức cung ứng vật tư, bố trí kho bãi, điện nước, lán trại phục vụ thi công. Ngoài ra phải quan tâm đến các vấn đề tổ chức an toàn trong thi công xây dựng.

9.48. Đồ án kỹ thuật và tổ chức thi công

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Môn học trước: Sức bền vật liệu, Cơ học kết cấu, Kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công và an toàn lao động trong XD

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật thi công, tổ chức thi công và máy xây dựng vào việc giải quyết những công trình dân dụng và công nghiệp thực tế cụ thể. Học phần đưa ra công việc mà một kỹ sư thi công cần phải làm trong những trường hợp cụ thể.

9.49. Kết cấu công trình thép

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Kết cấu thép

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu, Cơ học kết cấu

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần mở rộng và nâng cao của môn học kết cấu thép, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kết cấu công trình thép (nhà công nghiệp một tầng, nhà nhíp lớn, nhà cao tầng, kết cấu thép bản, kết cấu tháp trụ). Môn học cung cấp những kiến thức về nguyên lý tính toán, cấu tạo kết cấu các công trình thép, các kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án kết cấu thích hợp cho công trình.

9.50. Đồ án kết cấu công trình thép

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Môn học trước: Kết cấu thép

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu, Cơ học kết cấu

Môn học song hành: Kết cấu công trình thép

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần giúp cho sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được học về kết cấu thép và kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng vào việc tính toán thiết kế chi tiết nhà công nghiệp một tầng một nhíp.

9.51. Thực tập kỹ thuật nghề xây dựng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Môn học trước: Vật liệu xây dựng, Kỹ thuật thi công

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực tế tại công trường. Môn học có 2 tín chỉ bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết (tương đương 15 tiết học) và 1 tín chỉ thực hành (tương đương 45 tiết học). Phần thực hành sẽ được thực tập thực tế tại công trường, kết thúc phần thực hành sinh viên sẽ nộp báo cáo thực tập và thuyết trình báo cáo tại lớp.

9.52. Thực tập kiểm định công trình

1TC

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Môn học trước: Kết cấu công trình bê tông cốt thép, Nền móng, Tổ chức thi công & ATLD trong XD

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học thực tập kiểm định công trình nhằm củng cố hệ thống các quy phạm, quy trình, kỹ năng thực hành, thực hiện được các công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình.

9.53. Quản lý dự án

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công & ATLD trong XD

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: Kinh tế xây dựng

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần lý thuyết thuộc nhóm kiến thức kinh tế và quản lý trong xây dựng. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức căn bản về quản lý dự án bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát một dự án xây dựng từ giai đoạn hình thành dự án cho đến khi kết thúc dự án: Cách thức ra quyết định và thực hiện công việc trong điều kiện ràng buộc về thời gian, chi phí và nhân lực, các hình thức tổ chức quản lý dự, phương pháp lập kế hoạch, tiến độ, kiểm soát dự án và phân phối tài nguyên ...

9.54. Quản lý chất lượng và tư vấn giám sát

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giới thiệu những yêu cầu mới về quản lý chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam. Công tác tư vấn giám sát, tiêu chuẩn ISO 9000 cho các tổ chức xây lắp. Các biện pháp kiểm tra chất lượng và nghiệm thu công trình từ lúc khởi công đến lúc hoàn thiện một công trình xây dựng.

9.55. Thực tập nghiệp vụ dự thầu

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Môn học trước: Kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công & ATLD trong XD, Kinh tế xây dựng

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần thuộc nhóm các môn thực tập nhằm hệ thống lại những kiến thức của các môn thi công và quản lý xây dựng, trang bị khả năng thực hiện công việc tư vấn mời thầu cũng như kỹ năng thực hiện thành công bộ hồ sơ dự thầu hiệu quả. Qua đây, giúp người học bổ sung kiến thức thực tế, cập nhật các quy định hiện hành trong công tác đấu thầu xây dựng.

9.56. Thực tập tốt nghiệp

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sau khi đã được trang bị những kiến thức lý thuyết, sinh viên được đưa tới các đơn vị (Viện thiết kế, Sở Xây Dựng, Công Ty Tư Vấn Khảo Sát Thiết Kế, các Công Ty Xây Dựng công trình dân dụng và công nghiệp ...) học tập thực tế, liên hệ giữa lý thuyết đã học với thực tiễn nhằm hoàn thiện kiến thức trước khi tốt nghiệp. Tại các đơn vị thực tập, sinh viên sẽ tìm hiểu các tài liệu, thu thập các số liệu để chuẩn bị cho việc làm báo cáo thực tập.

9.57. Nền móng nhà cao tầng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Địa chất công trình, Cơ học đất, Nền móng

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về nền móng cho nhà cao tầng. Cung cấp cho người học các nguyên lý, các phương pháp đánh giá lựa chọn phương án móng hợp lý trong tính toán nền móng nhà cao tầng. Đưa người học tổng hợp các kiến thức nền tảng của nền móng, tiếp cận với các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư Xây dựng. Đây là học phần chuyên ngành nâng cao trong khối kiến thức chuyên

ngành công nghệ và kỹ thuật xây dựng, giúp người học phân tích và lựa chọn được giải pháp nền móng hợp lý cho các công trình cao tầng.

9.58. Kinh tế xây dựng

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước, Kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công & ATLD trong XD

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về đặc điểm kinh tế của ngành xây dựng, cung cấp phương pháp xác định chi phí xây dựng cũng như những cơ sở lý luận về kinh tế, kỹ thuật nhằm đánh giá, so sánh, lựa chọn phương án kỹ thuật, các dự án đầu tư cũng như các giải pháp thiết kế tốt nhất. Học phần còn cung cấp kiến thức để sinh viên tính toán được chi phí xây dựng (dự toán) cho 1 công trình xây dựng vừa và nhỏ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên thấy được sự tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội lên dự án xây dựng.

9.59. Bảo dưỡng sửa chữa & nâng cấp công trình

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần nâng cao thuộc nhóm môn học chuyên ngành kỹ thuật xây dựng nhằm hệ thống kiến thức và kỹ năng chuyên môn, trang bị khả năng đánh giá các khuyết tật, sự cố trong kết cấu công trình, phân tích nguyên nhân và đề ra giải pháp sửa chữa gia cường, đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu công trình trước và sau khi gia cường.

KHỐI KIẾN THỨC SƠ PHẠM KỸ THUẬT

9.60. Tâm lý học đại cương

Số TC: 2 (2/0/4)

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó. Học phần này giúp người học ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho công tác giáo dục và dạy học.

9.61. Giáo dục học nghề nghiệp Số TC: 3 (3/0/6)

Học phần Giáo dục học nghề nghiệp trang bị cho người học những kiến thức chung về GD và GDNN; phân tích đặc điểm, mục tiêu, nội dung GDNN; mô tả các yếu tố ảnh hưởng và lịch sử phát triển GDNN; xác định vai trò, nhiệm vụ và đặc điểm nhà giáo trong GDNN. Trên cơ sở nhận thức này, người học nhận ra được vị trí của mình sẽ làm việc sau khi tốt nghiệp để bắt đầu tiến trình học tập

9.62. Quản lý nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo Số TC: 2 (2/0/4)

Học phần Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

- Các khái niệm: Nhà nước, Nhà nước XHCN, Hành chính nhà nước, những vấn đề cơ bản của nhà nước, nhà nước CHXHCN Việt Nam, liên hệ và phân tích được những vấn đề lý luận về nhà nước với thực tiễn.

- Các khái niệm và những vấn đề cơ bản của quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về GDNN. Các nguyên tắc, đặc điểm, tính chất nội dung, quy trình trong quản lý hành chính nhà nước của GDNN.

- Quan điểm chỉ đạo của Đảng và những giải pháp phát triển GDNN ở nước ta đến năm 2020; tìm hiểu về Luật giáo dục và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

9.63. Tâm lý học nghề nghiệp

Số TC: 3 (3/0/6)

Học phần Tâm lý học nghề nghiệp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

- Xác định được các đặc điểm tâm lý của HSSV học nghề.

- Hiểu và phân tích được: các yếu tố tâm lý của hoạt động dạy và học nghề nghiệp, các yếu tố tâm lý và con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp; phân tích được đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên dạy nghề và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên dạy nghề, vận dụng được những hiểu biết tâm lý vào việc hình thành năng lực sư phạm của bản thân, vào hoạt động giảng dạy, giáo dục ở cơ sở dạy nghề.

- Hình thành và phát triển năng lực sư phạm nghề của người giáo viên dạy nghề tương lai.

9.64. Phương pháp dạy học kỹ thuật

Số TC: 3 (3/0/6)

Học phần Phương pháp dạy học kỹ thuật trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về thiết kế dạy học và PPDH chuyên ngành kỹ thuật, phục vụ công tác dạy học, như: Kỹ năng chuẩn bị dạy học, mục tiêu & nội dung dạy học, các vấn đề về phương pháp, phương tiện & kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học; phân tích đặc điểm nội dung dạy học các chuyên ngành kỹ thuật làm cơ sở cho việc lựa chọn phương tiện, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp. Đây cũng là học phần nền tảng để sinh viên dễ dàng tiếp thu những môn học sư phạm khác đặc biệt là môn Thực hành Kỹ năng dạy học chuyên ngành kỹ thuật.

9.65. Thực hành Kỹ năng dạy học chuyên ngành

Số TC: 3 (0/3/6)

Học phần Thực tập Kỹ năng dạy học chuyên ngành bao gồm một số nội dung chính như: xác định mục tiêu, lựa chọn và phân tích đặc điểm nội dung, xây dựng phương tiện dạy học, lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học cho một kỹ năng cụ thể. Học phần này huấn luyện cho sinh viên các bài dạy lý thuyết và thực hành điển hình trong chuyên ngành và hướng dẫn sinh viên chuẩn bị công cụ và phương pháp đánh giá bài học chuyên ngành.

9.66. Thực tập Sư phạm

Số TC: 3 (0/3/6)

Học phần Thực tập Sư phạm hình thành cho sinh viên kỹ năng sư phạm như: kỹ năng thiết kế, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng kiểm tra đánh giá. Ngoài ra, môn học này còn hình thành kỹ năng giao tiếp, lòng yêu nghề cho người học. Đây là học phần bắt buộc, quan trọng để giúp cho sinh viên có được khả năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu xã hội.

9.67. Thực hành Kỹ năng nghề

Số TC: 6 (0/6/12)

Học phần Thực hành Kỹ năng nghề là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo Sư phạm Kỹ thuật chuyên ngành bậc đại học. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn quốc gia dựa trên cơ sở kiến thức và kỹ năng kỹ thuật đã được tích lũy được trong chương trình công nghệ tại các khoa chuyên môn. Tùy thuộc vào từng chuyên ngành học, sinh viên được lựa chọn các nhóm kỹ năng nghề trong danh mục Kỹ năng nghề quốc gia phù hợp để luyện tập thực hành dưới sự hướng dẫn của các giảng viên có tay nghề cao và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Kết thúc học phần này, sinh viên có thể đạt năng lực thực hành nghề tương đương 3/5 theo chuẩn Kỹ năng nghề quốc gia, đồng thời đủ điều kiện để dự thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

được tổ chức tại các Trung tâm đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội uỷ quyền.

9.68. Phương pháp NCKH giáo dục

Số TC: 2 (2/0/4)

Trong quá trình đào tạo ở trường Đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên cứu. Học phần này chứa đựng những nội dung về các khái niệm, quá trình và cấu trúc... Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.

9.69. Giao tiếp ứng xử sư phạm

Số TC: 2(2/0/4)

Học phần Giao tiếp ứng xử sư phạm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản kết hợp các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về các nguyên tắc ứng xử giao tiếp trong sư phạm, từ đó, hình thành thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp, giải quyết được các tình huống sư phạm nhằm đạt được kết quả cao nhất.

9.70. Ứng dụng CNTT trong dạy học

Số TC: 2 (2/0/4)

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, E-learning và thiết kế dạy học trực tuyến; cung cấp cho người học các kỹ năng thiết kế và sử dụng phương tiện nhìn trực quan phẳng, phương tiện nhìn trực quan khối, mô hình trong dạy học, video và mô phỏng, bài giảng tương tác và sách điện tử. Đây là học phần chuyên sâu về sử dụng các thành tựu của khoa học công nghệ mà đặc biệt là công nghệ thông tin để thiết kế và sử dụng các phương tiện dạy học, chương trình máy tính hỗ trợ dạy học nhằm tăng tính trực quan và hiệu quả trong quá trình tổ chức và quản lý quá trình dạy học.

9.71. Phát triển CTĐT và tổ chức đào tạo nghề Số TC: 2(2/0/4)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng và phát triển một chương trình đào tạo nghề trên cơ sở phân tích nghề. Cung cấp cho người học những kỹ năng bước đầu trong việc phân tích nghề, phân tích công việc, thiết kế tổng thể một chương trình đào tạo nghề, thiết kế chi tiết các môn học, các mô đun và thiết kế các đơn nguyên học tập. Học phần này giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của hướng tiếp cận mục tiêu (tiếp cận theo năng lực thực hiện, theo chuẩn đầu ra của chương trình) trong quá trình xây dựng, phát triển chương trình đào tạo.

9.72. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 7 (0/7/14)

Môn học tiên quyết: theo điều kiện làm Đồ án tốt nghiệp: không nợ quá 4 môn bắt buộc hoặc 10 tín chỉ

Khoá luận tốt nghiệp được tổ chức cho sinh viên thực hiện ngay từ học kỳ đầu tiên của năm học chương trình SPKT và kết thúc vào cuối năm học đó. Thời gian này, sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp song song với việc học các môn trong chương trình SPKT.

Đồ án tốt nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về việc thiết kế một công trình thực tế. Môn đồ án tốt nghiệp kiểm tra việc nắm vững toàn bộ những kiến thức, kỹ năng tích lũy trong suốt quá trình học, và vận dụng vào: lựa chọn sử dụng vật liệu, lên sơ đồ phân tích sơ bộ, tính toán thiết kế kích thước và vật liệu cho một công trình theo một nhiệm vụ thiết kế định trước, sao cho đảm bảo các yêu cầu về kinh tế và kỹ thuật.

Đồ án dưới dạng một công trình có kích thước và điều kiện hoàn toàn thực tế, yêu cầu (nhiệm vụ thiết kế) đặt ra cho thí sinh phải thực hiện những công việc tính toán cụ thể tối thiểu như sau:

1. Liệt kê tải trọng và tác động. Các tổ hợp tải trọng, lập bảng tổ hợp. Cách sử dụng hệ số kể đến sự gia tăng độ lớn của tải trọng, giảm thiểu cường độ của vật liệu và hệ số xét đến xác suất xuất hiện không đồng thời của các tải trọng;
2. Chọn vật liệu thích hợp với yêu cầu sử dụng khai thác, không gian (nguyên lý kiến trúc) tính chất và độ lớn của tải trọng;
3. Trình bày sơ đồ tính và tính toán tải trọng áp đặt lên công trình. Các tổ hợp nội lực theo quy phạm, tiêu chuẩn;
4. Tính toán nội lực và từ nội lực thiết kế cho từng cấu kiện. Nội dung tính toán gồm độ bền, độ cứng và độ vững chắc của cấu kiện, kết cấu, công trình;
5. Đánh giá sự phù hợp của sơ đồ tính theo các tiêu chuẩn về độ bền, độ cứng và độ vững chắc yêu cầu của công trình;
6. Thiết kế các phương án móng cho công trình;
7. Trình bày bản vẽ kỹ thuật thi công cho các phần tính toán.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

- Phòng thí nghiệm Cơ học đất
- Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng
- Phòng thí nghiệm Công trình

10.2. Thư viện, trang WEB

- Thư viện sách tại trường ĐH SPKT và Viện SPKT
- Trang web Viện SPKT: www.vienspkt.hcmute.edu.vn
- Trang web khoa: www.fceam.hcmute.edu.vn

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Các cán bộ thuộc Bộ môn liên quan sẽ kết hợp với Phòng đào tạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Khoa Xây dựng & Cơ học ứng dụng và các đơn vị khác trong Trường để thực hiện tốt công tác đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa